TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Ngọc Dung;

2. Bà Hoàng Thị Lá.

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơntham gia phiên toà: bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Triệu Thị V, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Triệu Quang X, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu Thị V trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Triệu Quang X được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận tuy nhiên đến cuối năm 2021 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thời gian đó chị đi làm công ty nhưng vì dịch Covid-19 nên chị không thể về thăm gia đình thường xuyên

dẫn đến chồng chị nghi ngờ chị ngoại tình. Sau khi hết dịch Covid-19, chị có về thăm nhà, vợ chồng có nói chuyện hoá giải mâu thuẫn để chung sống vì con cái. Sau đó, chị tiếp tục đi làm công ty, chồng chị lại tiếp tục ghen và gọi điện làm phiền chị, thậm chí đến nhà ngoại để chửi bới, xúc phạm gia đình nhà ngoại. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau để hoá giải mâu thuẫn nhưng không được. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Quang X.

Về con chung: có 02 con chung là Triệu Quang Q, sinh ngày 27-7-2011 và Triệu Thảo M sinh ngày 29-4-2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Triệu Quang X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.000.000đồng/01con/01 tháng cho đến khi 02 con trưởng thành đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị đi làm công ty, chị vẫn gửi tiền về cho chồng để chăm sóc con cái.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: chị thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn nộp cho Toà án, đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí cho chị theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Triệu Quang X trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn, chị Triệu Thị V trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, đôi khi có có cãi nhau nhưng chỉ là chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống không đến mức phải ly hôn. Chị Triệu Thị V đi làm công ty từ khi con trai được 18 tháng tuổi, chị vẫn thường xuyên về thăm gia đình và gửi tiền nuôi con. Sau khi sinh con thứ hai và con được 06 tháng tuổi, chị tiếp tục đi làm công ty và từ đó chị Triệu Thị V không về thăm gia đình, không liên lạc và gửi tiền cho anh nuôi con nữa. Anh có tìm mọi cách để liên lạc với chị Triệu Thị V nhưng do chị Triệu Thị V chặn số điện thoại nên anh không liên lạc được và anh có đến nhà ngoại để hỏi thì bị mẹ vợ chửi nên từ đó anh không đến nhà ngoại tìm chị Triệu Thị V nữa. Nay chị Triệu Thị V yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: có 02 con chung là Triệu Quang Q sinh ngày 27-7-2011 và Triệu Thảo M sinh ngày 29-4-2020. Trường hợp chị Triệu Thị V vẫn giữ yêu cầu ly hôn, thì anh nhất trí với yêu cầu của chị Triệu Thị V cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị Triệu Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.000.000đồng/01 con/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Triệu Thị V phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về điều kiện nuôi con: hiện nay công việc của anh chủ yếu là làm ruộng, thu nhập trung bình từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng, có nhà cửa ổn định đảm bảo điều kiện sinh sống và sinh hoạt, trường học của các con đều gần nhà.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy ý kiến của con chung chưa thành niên, cháu Triệu Quang Q trình bày: việc bố mẹ cháu có mâu thuẫn cháu không biết, trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở cùng bố, do mẹ đi làm xa nhà.

Theo đơn của bà Triệu Thị M1 (mẹ đẻ của chị Triệu Thị V) trình bày: khoảng giữa năm 2021, vợ chồng con gái bà có mâu thuẫn nguyên nhân do dịch Covid-19, chị Triệu Thị V đi làm công ty, không về nhà thường xuyên được nên anh Triệu Quang X có nghi ngờ con gái bà ngoại tình, tuy nhiên vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên bảo nên đã hoá giải mâu thuẫn. Sau đó, con bà lại tiếp tục đi làm công ty, anh Triệu Quang X lại nghi ngờ thậm chí còn đến nhà bà xúc phạm cả gia đình bà, sau lần đó con gái bà đã chuyển về nhà ngoại sinh sống và vợ chồng ly thân. Cách đây một tháng, chồng bà mất nhưng anh Triệu Quang X cùng gia đình cũng không đến và họ nói là không còn có quan hệ gì. Nay các con không sống được với nhau nữa nên muốn ly hôn thì đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho vợ chồng con gái bà được ly hôn.

Biên bản xác minh với bà Triệu Thị N (mẹ đẻ anh Triệu Quang X): quá trình chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì hoặc có mâu thuẫn gì không thì bà không nắm được. Khoảng năm 2011-2012, chị Triệu Thị V đi làm công ty, thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình, gửi tiền về chăm con, tuy nhiên sau đó chị không còn về nhà nữa cũng không gửi tiền để chăm con, không còn liên lạc gì với gia đình. Gia đình bà cũng không biết lý do tại sao chị Triệu Thị V lại không về nhà nữa. Hai con chung đều do anh Triệu Quang X nuôi dưỡng, bà tự nguyện hỗ trợ anh Triệu Quang X chăm sóc, đưa đón đi học, chăm lo ăn uống sinh hoạt. Việc chị Triệu Thị V yêu cầu giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn: theo Sổ đăng ký kết hôn quyển số 01 năm 2007, anh Triệu Quang X và chị Triệu Thị V có đăng ký kết hôn số 45, ngày 22-10-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Quá trình giải quyết vụán, chị Triệu Thị V có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho anh Triệu Quang X được biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, xử cho chị Triệu Thị V ly hôn với anh Triệu Quang X và anh Triệu Quang X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000đồng/01 con/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật

cho đến khi hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Triệu Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: giấy tờ tuỳ thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản tống đạt văn bản tố tụng; bản tự khai; các biên bản lấy lời khai; đơn trình bày; đơn xin miễn án phí; biên bản xác minh, …

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: chị Triệu Thị V và anh Triệu Quang X có đăng ký kết hôn số 45, ngày 22-10-2010 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và có hai con chunglà cháu Triệu Quang Q và cháu Triệu Thảo M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Triệu Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn. Bị đơn anh Triệu Quang X cư trú tại thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Triệu Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt; tại biên bản lấy lời khai ngày 20-8-2024 anh Triệu Quang X đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của đương sự không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Triệu Thị V và anh Triệu Quang X có đăng ký kết hôn số 45, ngày 22-10-2010, tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Theo chị Triệu Thị V, vợ chồng có mâu thuẫn trong thời gian chị đi làm công ty không thường xuyên về nhà do dịch bệnh, chồng chị nghi ngờ chị ngoại tình nhưng không có căn cứ, anh Triệu Quang X thường xuyên gọi điện làm phiền, thậm chí xúc phạm chị và gia đình nhà ngoại dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Còn phía anh Triệu Quang X cho rằng giữa vợ chồng không có muâu thuẫn gì, đôi khi cãi nhau nhưng không đến mức phải ly hôn; từ sau khi chị Triệu Thị V sinh con thứ 2, đi làm rồi không về nhà nữa, anh cũng đã tìm mọi cách để liên lạc nhưng không được, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn đoàn tụ. Xét thấy, hai bên trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, tuy nhiên trong thời gian dài vợ chồng mỗi người sống một nơi, không liên lạc với nhau cũng không tìm cách khắc phục mâu thuẫn điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án. Mặt khác, anh X mong muốn đoàn tụ nhưng không hợp tác, không đến Toà án để Toà án tiến hành hoà giải mâu thuẫn giữa vợ chồng. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Triệu Thị V và anh Triệu Quang X đã trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận

theo quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung, cấp dưỡng: chị Triệu Thị V và anh Triệu Quang X có 02 con chung là Triệu Quang Q sinh ngày 27-7-2011 và Triệu Thảo M sinh ngày 29-4-2020. Xét thấy, chị Triệu Thị V yêu cầu anh Triệu Quang X là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, được anh Triệu Quang X nhất trí. Mặt khác, trong thời gian chị Triệu Thị V đi làm, 02 con do anh Triệu Quang X trực tiếp chăm sóc, bên cạnh đó anh Triệu Quang X có đủ điều kiện nuôi con về mức thu nhập, có nơi ở ổn định cho việc sinh sống và học tập cho 02 con, có sự hỗ trợ chăm sóc các cháu của bà Triệu Thị Na M2 đẻ anh Triệu Quang X. Do đó, việc giao 02 con cho anh Triệu Quang X sẽ đảm bảo được về điều kiện tốt nhất cho hai con của anh chị. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Triệu Quang Q. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc để anh Triệu Quang X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị V yêu cầu thực hiện nghĩa vụ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 1.000.000đồng/01 con/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Triệu Quang X nhất trí với nguyên đơn về mức cấp dưỡng và thời điểm cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về cấp dưỡng nuôi con. Chị Triệu Thị V không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do anh Triệu Quang X không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Triệu Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con) để nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, chị Triệu Thị V có đơn xin được miễn án phí do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Triệu Thị V được miễn án phí theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271,272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 238, 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Triệu Thị V được ly hôn với anh Triệu Quang X.

2. Về con chung: anh Triệu Quang X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Triệu Quang Q sinh ngày 27-7-2011 và Triệu Thảo M sinh ngày 29-4-2020, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Triệu Thị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.000.000đồng/01 con/tháng (một triệu đồng/01 con/tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Triệu Thị V không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Triệu Quang X không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Triệu Thị V được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Y Tịch, huyện C;
- Đương sự;
- Lưuhồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Thanh Huyền